

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Bán niên đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

- Mã chứng khoán: CMW
- Địa chỉ: 204 Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau
- Điện thoại: (0290) 3836361 Fax: (0290) 33836723
- Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
- Website: <https://ctncamau.com.vn/>

2. Nội dung công bố thông tin:

- BCTC Bán niên đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Bán niên đã soát xét;
- Văn bản giải trình số: 31./CBTT-CMW



Huyền Chiên Trì



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	14 - 34
8. Phụ lục 1	35

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 200010198, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CMW.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : 0290.3836723
- Fax : 0290.3836723

Các đơn vị trực thuộc:

Công ty có 3 Xí nghiệp và 8 Chi nhánh trực thuộc Công ty và 1 Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn ngân sách Nhà nước Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao quản lý hộ. Tất cả các Xí nghiệp và Chi nhánh nêu trên đều không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc và hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cấp nước TP. Cà Mau 1	Đường Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp Cấp nước TP. Cà Mau 2	931 đường Ngô Quyền, khóm 1, phường Tân Xuyên, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp Xây lắp – Cơ điện	Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời	Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Thới Bình	Khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Cái Nước	Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi	Đường Trần Văn Phú, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Phú Tân	Khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Ngọc Hiển	Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước U Minh	Khóm 2, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc	Khóm 11, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (100% vốn ngân sách Nhà nước)	Khu vực 1, khóm 2, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hồ Tấn Luật	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Phước Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Tấn Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Thế Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Chánh Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Hoàng Khện	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Mai Thị Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Bà Phan Thị Hà Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Bà Văn Hải Lý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Phước Tài	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Hoàng Khện	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Phước Tài	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2018
Ông Huỳnh Thiện Trị	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Tấn Luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020).

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ông Phạm Phước Tài, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty nên Ông Phạm Phước Tài sẽ chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Số: 4.0229/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.4 và thuyết minh số V.16 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ Công ty đang ghi nhận khoản phải thu về chi phí cổ phần hoá, chi phí thoái vốn là 990.540.334 VND và phải trả liên quan từ trước cổ phần hóa chuyển sang và thoái vốn Nhà nước tại ngày 30/6/2024 lần lượt là 30.291.229.630 VND và 36.525.367.567 VND sau khi Công ty đã thực hiện quyết toán với ngân sách Nhà nước theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Khoản phải thu quyết toán số dư chi phí cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước đang chờ phê duyệt, nên Công ty chưa xử lý bù trừ với khoản công nợ phải trả. Số dư các khoản công nợ với ngân sách Nhà nước của Công ty tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa phản ánh nghĩa vụ phải trả vào Báo cáo tài chính giữa niên độ liên quan đến dịch vụ môi trường rừng từ năm 2011 đến ngày 31/5/2023 do chưa có văn bản từ cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nộp và Công ty cũng chưa nhận được thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 14 tháng 8 năm 2023 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vào ngày 27 tháng 3 năm 2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần và các vấn đề nhấn mạnh.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.446.734.540	70.100.179.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.424.993.660	21.985.585.197
1. Tiền	111		6.924.993.660	4.485.585.197
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.500.000.000	17.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	500.000.000	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.353.172.073	33.797.414.240
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.239.110.829	4.280.584.954
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	1.467.359.623
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	29.986.381.847	28.049.469.663
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.872.320.603)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		16.168.568.807	13.817.180.376
1. Hàng tồn kho	141	V.6	16.168.568.807	13.817.180.376
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		261.643.383.183	257.120.076.038
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		203.789.555.612	202.529.459.011
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	199.235.842.300	198.246.654.080
- Nguyên giá	222		458.095.432.588	448.221.496.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(258.859.590.288)	(249.974.842.127)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.553.713.312	4.282.804.931
- Nguyên giá	228		5.396.187.683	5.046.187.683
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(842.474.371)	(763.382.752)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.501.234.631	5.645.290.382
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.501.234.631	5.645.290.382
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		53.352.592.940	48.945.326.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	53.352.592.940	48.945.326.645
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		335.090.117.723	327.220.255.851

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		165.399.225.331	156.467.924.178
I. Nợ ngắn hạn	310		150.086.236.587	139.282.564.121
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.262.428.708	8.200.386.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	228.904.748	249.627.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	8.678.969.331	8.791.892.154
4. Phải trả người lao động	314	V.14	5.200.259.065	8.824.120.279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	644.894.593
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	108.270.804.338	100.356.026.830
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	16.912.271.070	11.529.463.524
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.532.599.327	686.153.356
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.312.988.744	17.185.360.057
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	15.312.988.744	17.185.360.057
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.690.892.392	170.752.331.673
I. Vốn chủ sở hữu	410		169.690.892.392	170.752.331.673
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a	155.349.000.000	155.349.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.349.000.000	155.349.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19a	2.369.598.888	2.204.361.493
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19a	1.222.585.887	892.111.096
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19a	10.749.707.617	12.306.859.084
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.292.568.232	12.306.859.084
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.457.139.385	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		335.090.117.723	327.220.255.851

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng



Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	71.554.121.275	58.071.999.486
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		71.554.121.275	58.071.999.486
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42.325.000.061	39.039.801.966
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.229.121.214	19.032.197.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.315.089	14.278.480
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.011.567.544	1.413.822.083
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.011.567.544	1.413.822.083
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.778.594.937	2.568.198.477
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.413.446.198	9.282.454.424
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.033.827.624	5.782.001.016
11. Thu nhập khác	31	VI.7	469.619.964	342.461.425
12. Chi phí khác	32	VI.8	164.395.387	23.242.958
13. Lợi nhuận khác	40		305.224.577	319.218.467
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.339.052.201	6.101.219.483
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.881.912.816	1.220.254.617
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.457.139.385	4.880.964.866
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	469	242
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a	469	242

Trần Ngọc Thúy
Người lậpHuỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		89.324.106.452	74.132.380.151
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(34.729.472.186)	(29.400.915.772)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.057.157.926)	(15.170.877.878)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.15, VI.3	(1.033.083.961)	(1.436.747.032)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(394.318.391)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.047.725.722	1.094.637.256
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.600.736.705)	(26.973.760.114)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.557.063.005	2.244.716.611
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.553.727.055)	(8.590.330.967)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	31.000.000	2.687.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.522.727.055)	(8.587.643.247)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a	20.263.107.169	21.995.435.336
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(16.752.670.936)	(25.443.209.148)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, V.19a	(105.363.720)	(5.667.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.405.072.513	(3.453.441.512)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.439.408.463	(9.796.368.148)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.985.585.197	29.279.853.014
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	24.424.993.660	19.483.484.866

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng



Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 3 Xí nghiệp và 8 Chi nhánh trực thuộc Công ty và 1 Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn ngân sách Nhà nước Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao quản lý hộ. Tất cả các Xí nghiệp và Chi nhánh nêu trên đều không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc và hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cấp nước TP. Cà Mau 1	Đường Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp Cấp nước TP. Cà Mau 2	931 đường Ngô Quyền, khóm 1, phường Tân Xuyên, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp Xây lắp – Cơ điện	Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời	Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Thới Bình	Khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Cái Nước	Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi	Đường Trần Văn Phú, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Phú Tân	Khóm 1, thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Ngọc Hiển	Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước U Minh	Khóm 2, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc	Khóm 11, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị

Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (100% vốn ngân sách Nhà nước) (*)

Địa chỉ

Khu vực 1, khóm 2, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

(*) Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn ngân sách Nhà nước, Công ty được giao quản lý hộ cho Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau theo Công văn số 318/VP-KT ngày 22/3/2016 về việc quản lý, vận hành hệ thống cấp nước đô thị Năm Căn, huyện Năm Căn của văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau:

- Doanh thu, chi phí, thuế TNDN không ghi nhận vào kết quả kinh doanh của Công ty;
- Công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả người lao động, các loại thuế ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán Công ty;
- Tài sản cố định ghi nhận phải thu khác, hao mòn tài sản cố định ghi nhận phải trả khác trên Bảng cân đối kế toán của Công ty;
- Lợi nhuận sau thuế ghi nhận phải trả khác trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 262 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 252 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh

Chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 05 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 31
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05-06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt

Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	342.764.973	371.763.845
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.582.228.687	4.113.821.352
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (*)	17.500.000.000	17.500.000.000
Cộng	24.424.993.660	21.985.585.197

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn này là khoản tiền chờ quyết toán cổ phần hóa với ngân sách Nhà nước nên lãi từ khoản tiền gửi có kỳ hạn này được Công ty ghi nhận vào khoản mục phải trả mà không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty. Tại thời điểm 30/6/2024, tổng tiền lãi lũy kế phải trả là 7.288.373.125 (xem thuyết minh số V.16).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng lãi suất 4,7%/năm	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị ghi sổ là 500.000.000 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh V.17a và V.17b).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng cung cấp nước	3.516.115.186	3.611.018.204
Phải thu khách hàng xây dựng, lắp đặt	722.995.643	669.566.750
Cộng	4.239.110.829	4.280.584.954

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản dự án Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn ⁽ⁱ⁾	26.297.949.009	-	24.615.278.576	-
Phải thu về cổ phần hóa và chi phí thoái vốn doanh nghiệp ⁽ⁱⁱ⁾	990.540.334	-	990.540.334	-
Tạm ứng	1.582.199.460	-	1.460.551.410	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	384.890.589	-	384.886.961	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	-	-	27.216.438	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	730.802.455	-	570.995.944	-
Cộng	29.986.381.847	-	28.049.469.663	-

(i) Khoản phải thu này bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí chờ phân bổ của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (loại ra không tính vào giá trị doanh nghiệp Công ty) để cổ phần hóa theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cùng với chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước Năm Căn phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa Công ty chi hộ.

(ii) Trong đó, chi phí thực hiện công tác cổ phần hóa, bao gồm cả chi phí trợ cấp thôi việc và xử lý lao động dôi dư trước khi cổ phần hóa là 582.742.500 VND. Công ty hiện đang xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau để quyết toán các khoản chi phí này.

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền nước	Trên 3 năm	1.872.320.603	-	-	-	
Cộng		1.872.320.603	-	-	-	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1.872.320.603	-
Số cuối kỳ	1.872.320.603	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.168.568.807	-	13.817.180.376	-
Cộng	16.168.568.807	-	13.817.180.376	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.070.555.361	3.603.287.421
Chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh	45.160.855.957	36.404.250.294
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.121.181.622	8.937.788.930
Cộng	53.352.592.940	48.945.326.645

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	25.430.469.997	24.903.048.923	394.959.529.058	2.928.448.229	448.221.496.207
Mua trong kỳ	-	840.670.000	-	-	840.670.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.785.970.888	6.247.295.493	-	9.033.266.381
Số cuối kỳ	25.430.469.997	28.529.689.811	401.206.824.551	2.928.448.229	458.095.432.588
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.758.899.298	7.268.423.286	58.700.329.029	1.592.007.320	77.319.658.933
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.146.311.334	10.511.328.230	219.318.938.449	1.998.264.114	249.974.842.127
Khấu hao trong kỳ	403.661.114	794.094.589	7.632.943.122	54.049.336	8.884.748.161
Phân loại lại	-	(599.997)	599.997	-	-
Số cuối kỳ	18.549.972.448	11.304.822.822	226.952.481.568	2.052.313.450	258.859.590.288
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.284.158.663	14.391.720.693	175.640.590.609	930.184.115	198.246.654.080
Số cuối kỳ	6.880.497.549	17.224.866.989	174.254.342.983	876.134.779	199.235.842.300
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số máy móc thiết bị có giá trị còn lại theo sổ sách là 12.986.303.714 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh V.17a và V.17b).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.910.809.030	1.135.378.653	5.046.187.683
Mua trong kỳ	-	350.000.000	350.000.000
Số cuối kỳ	3.910.809.030	1.485.378.653	5.396.187.683

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	346.282.474	346.282.474
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	763.382.752	763.382.752
Khấu hao trong kỳ	-	79.091.619	79.091.619
Số cuối kỳ	-	842.474.371	842.474.371
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.910.809.030	371.995.901	4.282.804.931
Số cuối kỳ	3.910.809.030	642.904.282	4.553.713.312
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình trạm cấp nước số 2 huyện Đầm Dơi	593.168.182	-	-	593.168.182
- Công trình trạm cấp nước số 4 huyện Ngọc Hiển	553.490.909	-	-	553.490.909
- Công trình hệ thống cấp nước khu tái định cư C1 và C2	-	825.432.407	(825.432.407)	-
- Công trình hệ thống điện năng lượng mặt trời và lắp đặt thiết bị giám sát quan trắc	-	1.988.685.185	(1.988.685.185)	-
- Các công trình khác	4.498.631.291	5.075.093.038	(6.219.148.789)	3.354.575.540
Cộng	5.645.290.382	7.889.210.630	(9.033.266.381)	4.501.234.631

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	4.000.000.000	125.766.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Minh Hòa	311.168.000	869.880.000
Các nhà cung cấp khác	4.951.260.708	7.204.740.025
Cộng	9.262.428.708	8.200.386.025

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Năm Căn	93.693.999	93.693.999
Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	-	39.798.419
Các khách hàng khác	135.210.749	116.134.942
Cộng	228.904.748	249.627.360

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	304.164.842	(11.644.139)	1.624.829.513	(1.471.600.396)	445.749.820
Thuế thu nhập doanh nghiệp	224.064.879	170.253.512	3.062.016.260	(394.318.391)	3.062.016.260
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	308.509.548	(308.509.548)	-
Thuế tài nguyên	512.691.035	2.484.565	3.386.100.900	(3.344.948.700)	556.327.800
Thuế nhà đất	-	-	45.782.186	(45.782.186)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.750.971.398	(161.093.938)	9.441.361.975	(12.416.363.984)	4.614.875.451
Cộng	8.791.892.154	-	17.868.600.382	(17.981.523.205)	8.678.969.331

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước 5%
- Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác 10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.339.052.201	6.101.219.483
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.070.511.878	53.604
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu/tính thuế	14.409.564.079	6.101.273.087
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.881.912.816	1.220.254.617
Thuế thu nhập doanh nghiệp của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn	180.103.444	46.746.722
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.062.016.260	1.267.001.339

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới đất với giá tính thuế 6.000 VND/m³ với thuế suất 5%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	-	21.516.417
Chi phí nguyên vật liệu	-	623.378.176
Cộng	-	644.894.593

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7.656.184.200	-
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau – Cổ tức phải trả	5.708.329.800	-
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một – Cổ tức phải trả	1.947.854.400	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	100.614.620.138	100.356.026.830
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	389.147.444	275.452.514
Phải trả từ trước cổ phần hóa	30.291.229.630	30.291.229.630
Thuế tài nguyên hoàn lại cho ngân sách Nhà nước	8.422.722.654	8.422.722.654
Phải trả ngân sách Nhà nước về cổ phần thoái vốn từ năm 2018 ⁽ⁱ⁾	29.236.994.442	29.236.994.442
Lãi tiền gửi từ việc bán cổ phần phải nộp về ngân sách Nhà nước ⁽ⁱ⁾	7.288.373.125	7.106.947.242
Vốn tạm ứng thi công phải trả ngân sách Nhà nước	9.225.081.000	11.353.053.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trước cổ phần hóa chưa chi	2.021.086.395	2.043.549.008
Quỹ lương trước cổ phần hóa chưa chi	173.009.462	173.009.462
Lợi nhuận sau thuế của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn phải nộp ngân sách Nhà nước	6.353.030.306	5.591.009.633
Khấu hao tài sản của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn phải nộp ngân sách Nhà nước	3.852.016.956	3.100.676.692
Cổ tức phải trả	398.016.984	174.626.304
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.963.911.740	2.586.756.249
Cộng	<u>108.270.804.338</u>	<u>100.356.026.830</u>

(i) Đây là các khoản phải nộp về ngân sách Nhà nước về thoái vốn Nhà nước với tổng số tiền 36.525.367.567 VND đang chờ phê duyệt. Tiền chưa trả từ nguồn phải trả này Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn với số dư tại ngày 30/06/2024 là 17.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.1).

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	13.167.528.444	7.784.720.898
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	5.620.612.000	1.998.737.700
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	7.546.916.444	5.785.983.198
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.17b)	3.744.742.626	3.744.742.626
Cộng	<u>16.912.271.070</u>	<u>11.529.463.524</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch, quản lý lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, với hạn mức 15.000.000.000 VND và thời hạn 3 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung tài trợ các nhu cầu vốn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, với hạn mức 15.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh V.2 và V.8).

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.784.720.898	20.263.107.169	-	(14.880.299.623)	13.167.528.444
Vay dài hạn đến hạn trả	3.744.742.626	-	1.872.371.313	(1.872.371.313)	3.744.742.626
Cộng	<u>11.529.463.524</u>	<u>20.263.107.169</u>	<u>1.872.371.313</u>	<u>(16.752.670.936)</u>	<u>16.912.271.070</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	15.312.988.744	17.185.360.057
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	4.282.505.000	5.222.505.000
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khu vực Minh Hải ⁽ⁱⁱ⁾	11.030.483.744	11.962.855.057
Cộng	<u>15.312.988.744</u>	<u>17.185.360.057</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn tài trợ các nhu cầu vốn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh V.2 và V.8).

(ii) Khoản vay lại từ nguồn vốn ODA thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khu vực Minh Hải để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Cà Mau với lãi suất cố định là 5%/năm, thời hạn vay là 24 năm. Ngày bắt đầu giải ngân là 17/10/2006, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.744.742.626	3.744.742.626
Trên 01 năm đến 05 năm	11.741.475.504	12.681.475.504
Trên 05 năm	3.571.513.240	4.503.884.553
Cộng	<u>19.057.731.370</u>	<u>20.930.102.683</u>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	17.185.360.057	20.043.102.682
Số tiền vay phát sinh	-	2.517.000.001
Số tiền vay đã trả	-	(690.000.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.872.371.313)	(932.371.313)
Cộng	<u>15.312.988.744</u>	<u>20.937.731.370</u>

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	37.369.908	1.101.582.637	(1.101.582.638)	37.369.907
Quỹ phúc lợi	571.689.468	1.101.582.637	(255.136.665)	1.418.135.440
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	77.093.980	330.474.791	(330.474.791)	77.093.980
Cộng	<u>686.153.356</u>	<u>2.533.640.065</u>	<u>(1.687.194.094)</u>	<u>1.532.599.327</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	111.057.000.000	111.057.000.000
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	37.896.000.000	-
Các cổ đông khác	6.396.000.000	44.292.000.000
Cộng	155.349.000.000	155.349.000.000

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.534.900	15.534.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.534.900	15.534.900
- Cổ phiếu phổ thông	15.534.900	15.534.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.534.900	15.534.900
- Cổ phiếu phổ thông	15.534.900	15.534.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 06/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (5,14%/Vốn điều lệ)	: 7.984.938.600
• Trích quỹ đầu tư phát triển (1,5% lợi nhuận sau thuế)	: 165.237.395
• Trích quỹ khác của chủ sở hữu (3% lợi nhuận sau thuế)	: 330.474.791
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (3% lợi nhuận sau thuế)	: 330.474.791
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% lợi nhuận sau thuế)	2.203.165.274

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	69.716.344.894	56.777.248.700
Doanh thu hoạt động xây dựng, lắp đặt	1.833.005.641	1.289.522.786
Doanh thu khác	4.770.740	5.228.000
Cộng	71.554.121.275	58.071.999.486

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của nước sinh hoạt đã cung cấp	40.540.084.257	37.795.424.326
Giá vốn của hoạt động xây dựng, lắp đặt	1.784.915.804	1.244.377.640
Cộng	42.325.000.061	39.039.801.966

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.783.562	11.589.041
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.527.899	2.685.820
Lãi tiền ký quỹ	3.628	3.619
Cộng	8.315.089	14.278.480

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.563.647.065	1.345.597.130
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	302.739.980	545.737.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	605.093.765	10.436.818
Các chi phí khác	307.114.127	666.426.831
Cộng	2.778.594.937	2.568.198.477

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.107.249.575	5.786.165.090
Chi phí vật liệu quản lý	547.788	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	360.514.573	438.132.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	540.492.622	493.367.017
Thuế, phí và lệ phí	59.782.186	14.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	1.872.320.603	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.859.426.491	2.492.012.591
Các chi phí khác	1.613.112.360	58.777.444
Cộng	13.413.446.198	9.282.454.424

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí dịch vụ thoát nước và phí bảo vệ môi trường	469.619.964	319.272.071
Thu nhập khác	-	23.189.354
Cộng	469.619.964	342.461.425

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế	4.718.553	53.604
Chi ủng hộ	150.000.000	-
Chi phí khác	9.676.834	23.189.354
Cộng	164.395.387	23.242.958

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.457.139.385	4.880.964.866
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.891.427.877)	(976.192.973)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý (*)	(283.714.182)	(146.428.946)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.281.997.326	3.758.342.947
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.534.900	15.534.900
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	469	242

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.534.900	15.534.900
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.534.900	15.534.900

- (*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý kỳ này được tạm tính theo tỷ lệ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 06/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 20% lợi nhuận sau thuế và trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý 3% lợi nhuận sau thuế).

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 314 VND xuống còn 242 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.244.350.138	6.633.899.370
Chi phí nhân công	22.989.681.278	19.623.652.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.963.839.780	11.413.587.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.526.622.910	11.964.282.035
Chi phí khác	3.792.583.005	725.204.275
Cộng	58.517.077.111	50.360.624.867

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Công ty thuộc các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và phải nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của địa phương. Tuy nhiên, theo Công văn số 4988/UBND-KT ngày 27/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thì Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Cà Mau chưa thành lập. Do đó, Công ty chưa phản ánh nghĩa vụ phải trả liên quan đến dịch vụ môi trường rừng từ năm 2011 đến ngày 31/5/2023 do chưa có văn bản từ cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nộp và Công ty cũng chưa nhận được thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Hồ Tấn Luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị	452.118.000	357.440.000
Ông Phạm Phước Tài - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	450.829.000	352.025.000
Ông Trần Hoàng Khện - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024)	379.552.000	349.525.000
Ông Phạm Tấn Phong - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	386.028.000	305.004.000
Ông Trần Thế Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024)	-	-
Ông Lê Chánh Huy - Thành viên Hội đồng quản trị (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024)	-	-
Ông Trịnh Kiên - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024)	-	-
Bà Mai Thị Hiền - Trưởng Ban kiểm soát	364.559.000	279.706.000
Bà Phan Thị Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	132.185.000	100.863.000
Bà Văn Hải Lý - Thành viên Ban kiểm soát	120.575.000	81.916.000
Ông Huỳnh Thiện Trị - Kế toán trưởng	365.713.791	291.944.567
Cộng	2.651.559.791	2.118.423.567

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	Cổ đông nắm giữ 71,49% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Cổ đông nắm giữ 24,39% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau		
Chia cổ tức	5.708.329.800	6.850.890.900
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một		
Chia cổ tức	1.947.854.400	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.16.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sinh hoạt. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Công ty điều chỉnh trình bày phân loại lại khoản vay dài hạn đến hạn trả đầu năm trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ				
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	9.649.463.524	1.880.000.000	11.529.463.524
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.065.360.057	(1.880.000.000)	17.185.360.057

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng



Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	155.349.000.000	2.021.309.782	892.111.096	10.522.738.368	168.785.159.246
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	4.880.964.866	4.880.964.866
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	183.051.711	-	(2.288.146.392)	(2.105.094.681)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	(6.850.890.900)	(6.850.890.900)
Lợi nhuận của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm	-	-	-	-	-
Căn nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(92.668.368)	(92.668.368)
Số dư cuối kỳ trước	155.349.000.000	2.204.361.493	892.111.096	6.171.997.574	164.617.470.163
Số dư đầu năm nay	155.349.000.000	2.204.361.493	892.111.096	12.306.859.084	170.752.331.673
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	9.457.139.385	9.457.139.385
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	165.237.395	330.474.791	(3.029.352.252)	(2.533.640.066)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	(7.984.938.600)	(7.984.938.600)
Số dư cuối kỳ này	155.349.000.000	2.369.598.888	1.222.585.887	10.749.707.617	169.690.892.392

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng



Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc